

Bản án số: 483/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 05 – 8 – 2024

“V/v ly hôn giữa
bà L và ông H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Anh

2. Ông Lê Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1984, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0364. 944. 151

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số G C, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0948. 330. 944

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002, bà và anh Nguyễn Văn H tìm hiểu về tình cảm và tự nguyện chung sống với nhau, năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 176, ngày 06/8/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng (thuộc thị trấn P,

huyện P, tỉnh An Giang) được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do ông H ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà khuyên can nhưng ông H không sửa chữa, nhiều lần ông H chửi mắng, đánh đập và đuổi bà ra khỏi nhà. Nhiều lần vợ chồng ly thân rồi trở lại sống chung, sau đó bà khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, qua động viên của Tòa án và vì con nên bà rút đơn kiện để vợ chồng sum họp. Tuy nhiên, sau khi trở lại sống chung một thời gian thì ông H vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 11/2023 đến nay vợ chồng ly thân. Nay, bà không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn ông H.

+ Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 2002, anh T đã thành niên tự lao động nuôi sống bản thân, nên bà không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 19/5/2009, hiện tại bà đang nuôi dưỡng cháu M, bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu M và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản ý kiến của cháu Nguyễn Thị Diễm M cũng có nguyện vọng sống với mẹ.

+ Chia tài sản: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 bà Trần Thị Trúc L có đơn xin vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông H.

- Tại Bản ý kiến ngày 11 tháng 4 năm 2024 của anh Nguyễn Minh T (con đẻ bà L và ông H) cho biết, cha mẹ mâu thuẫn do cha không lo làm ăn, mà chỉ ăn chơi, cờ bạc, cha thường hay đánh và đuổi mẹ ra khỏi nhà, nhiều lần anh khuyên ngăn, cha vẫn không thay đổi mà còn chửi anh. Từ năm 2023 đến nay cha mẹ đã ly thân, nay mẹ yêu cầu ly hôn anh đề nghị Tòa án cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông H.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà L và ông H là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, theo bà L khai vợ chồng sống chung được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do ông H ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, bà và con khuyên bảo nhưng ông H vẫn không sửa chữa, nhiều lần ông bà ly thân rồi trở lại sống chung, ông H vẫn chứng nào tật ấy, từ tháng 11/2023 đến nay ông bà ly thân. Trước đây, năm 2015 bà L đã khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu ly hôn ông H, nhưng vì thương con và qua động

viên của Tòa án bà rút đơn kiện khởi, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 305/2015/QĐHNGĐ-ST ngày 25/11/2015. Lần này là lần thứ hai bà L khởi kiện ly hôn nhưng ông H vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Nguyễn Minh T (con đẻ bà L và ông H) cũng nhận thấy bà L yêu cầu ly hôn là do lỗi của ông H và đề nghị Tòa án cho bà L và ông H ly hôn. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho ly hôn giữa bà L và ông H.

[2.2] Về nuôi con chung: anh Nguyễn Minh T đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân, bà L không có yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Bà L yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Thị Diễm M. Từ lúc ly thân đến nay bà L nuôi cháu M ổn định, cháu M cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Diễm M cho bà L nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con là tự nguyện của bà, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: bà L khai tự thỏa thuận và không có yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận bà Trần Thị Trúc L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Trần Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, bà L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Trần Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: giao 01 người con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 19/5/2009 cho bà Trần Thị Trúc L nuôi, hiện tại bà L đang nuôi dưỡng cháu M. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Nguyễn Văn H** không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: tự thỏa thuận, không đề cập.

Về nợ chung: ghi nhận bà Trần Thị Trúc L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Trần Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006819 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND TT Phú Mỹ, H. Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương